CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển TDT

Ngày 30/06/2025	6,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.1%	**2.6%**	**-0.2%**

DT thuần
Q2/25
187
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 88.7| 90.5%
YoY: ▲ 48.0| 34.7%

LN thuần
Q2/25
2.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.25| 381%
YoY: ▲ 1.35| 90.4%

LN sau thuế
Q2/25
2.40
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.95| 433%
YoY: ▲ 0.86| 55.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.2%
YoY: +/-▼ 1.1%

ROE (TTM)
Q2/25
5.8%
YoY: +/-▲ 0.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,253 - 7,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	162
Số lượng CPLH (CP)	23,896,534
KLGD BQ 20 phiên (CP)	75,210
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.27
EPS	660
P/E	10.3

DT thuần
6T 2025
286
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 73.0| 34.3%

LN thuần
6T 2025
3.43
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.85| 118%

LN sau thuế
6T 2025
2.85
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.14| 66.1%

Cơ cấu sở hữu

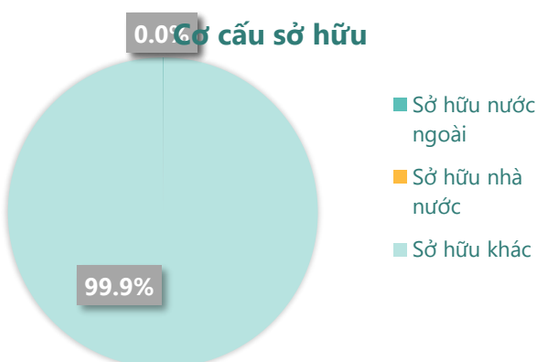

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

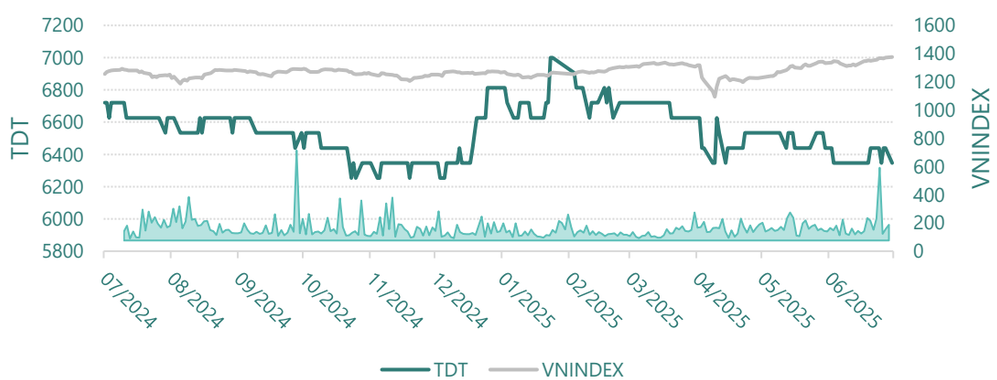

Cơ cấu cổ đông

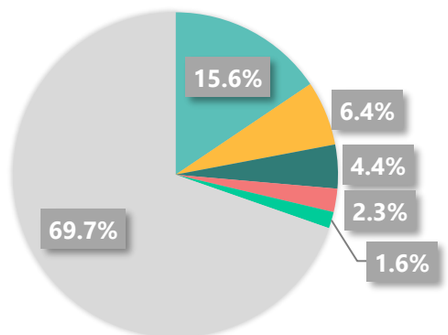

- Chu Thuyên (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Việt Thắng (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Thị Mai Phương
- Phạm Thái Hòa (Thành viên HĐQT)
- Hoàng Thị Hợp
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

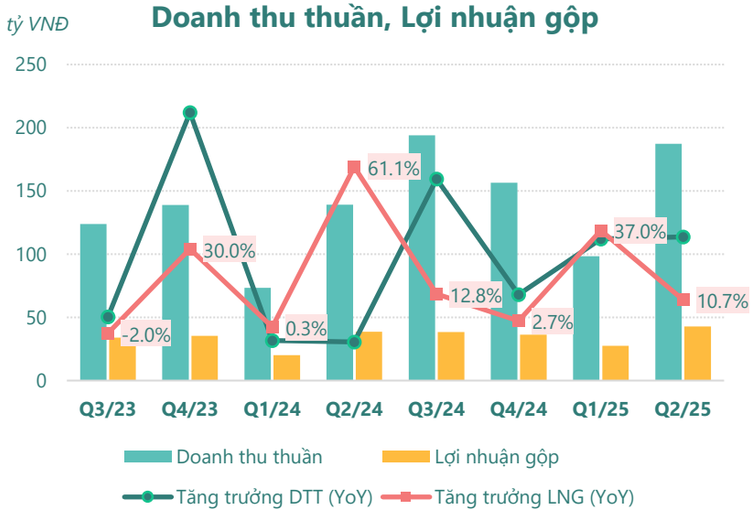

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

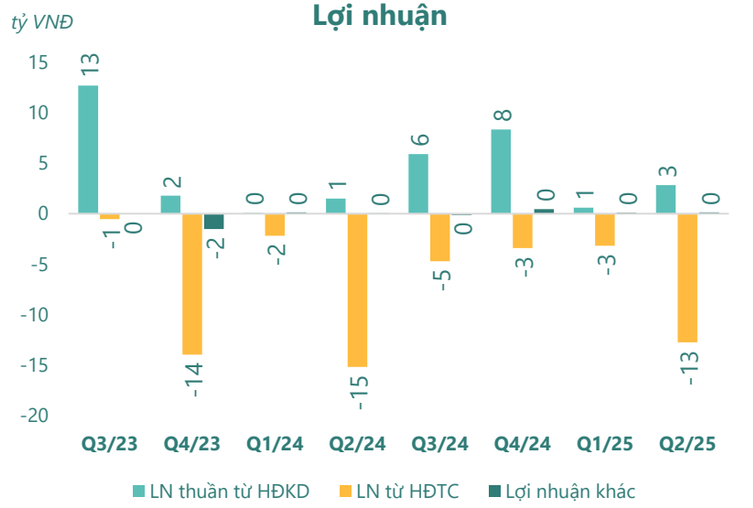

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

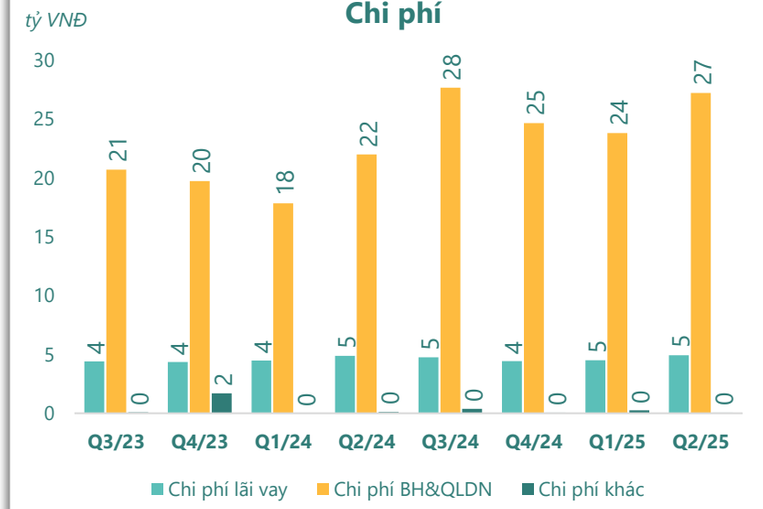

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

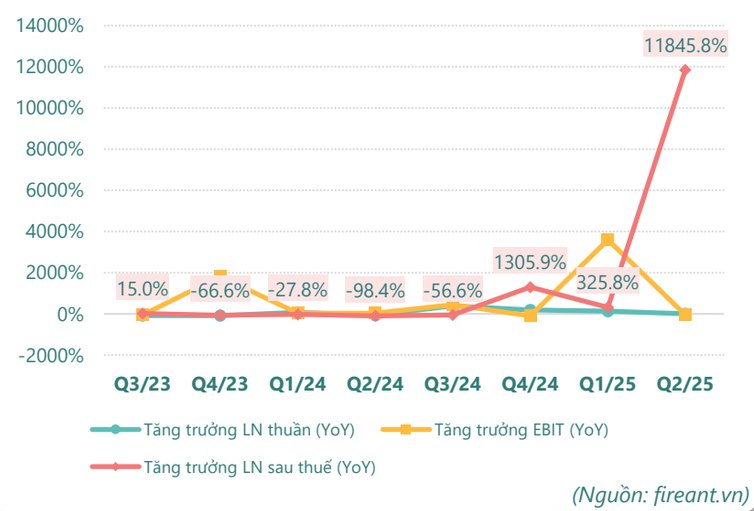

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

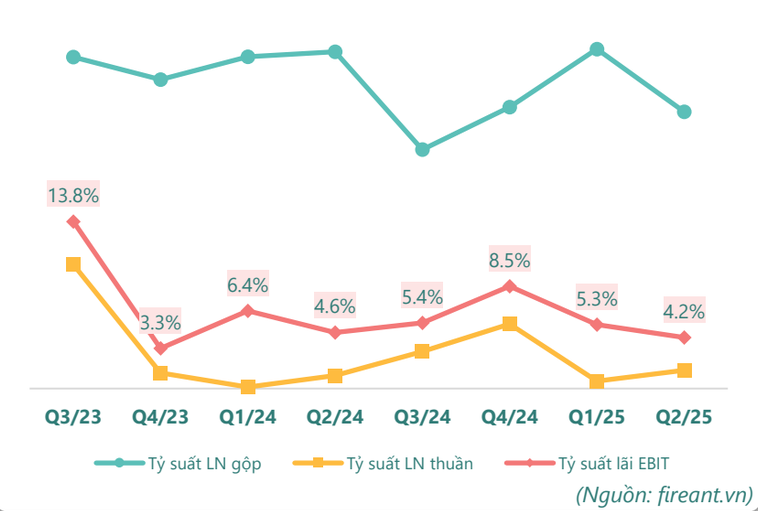

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

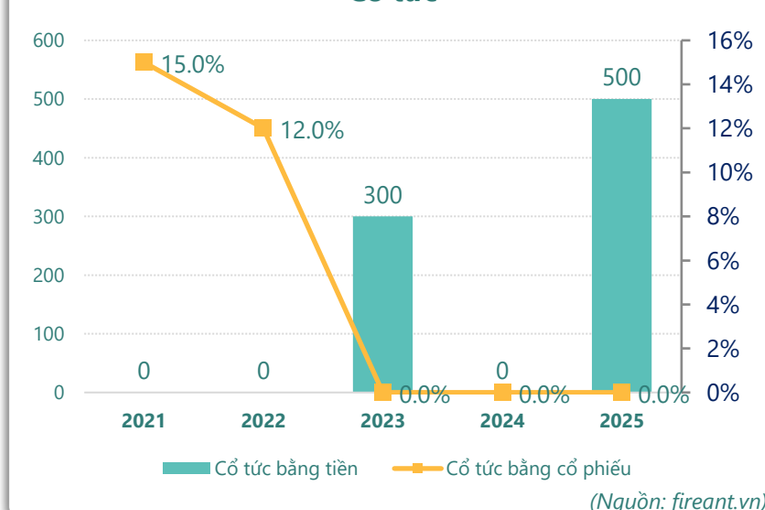

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

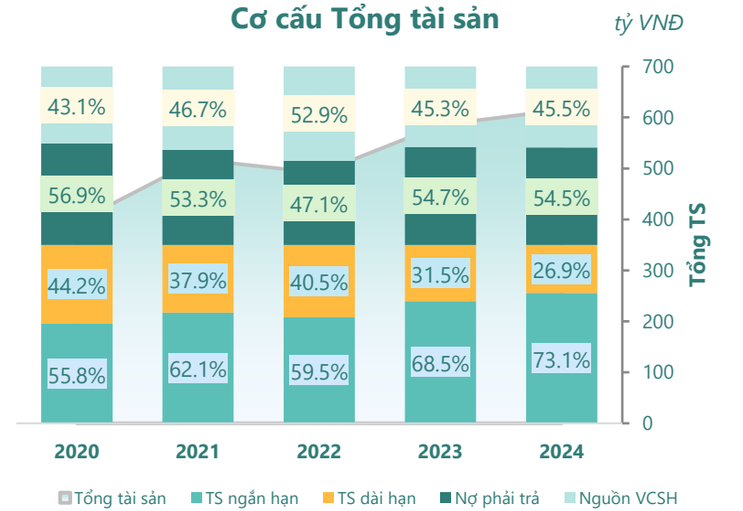

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

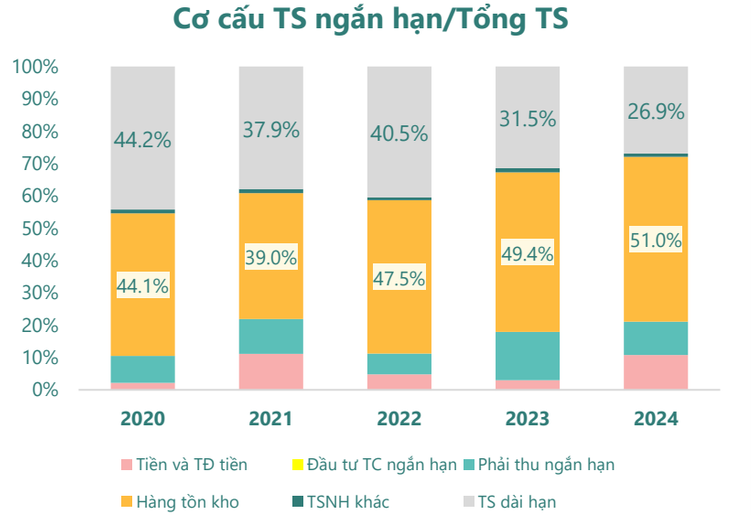

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

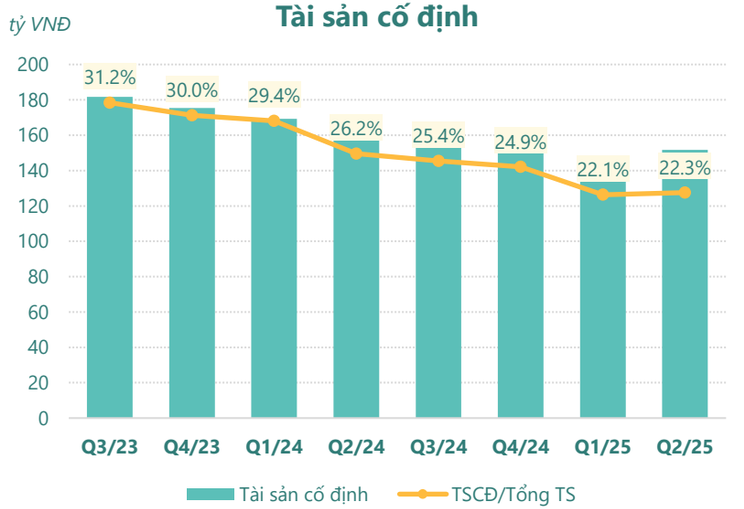

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

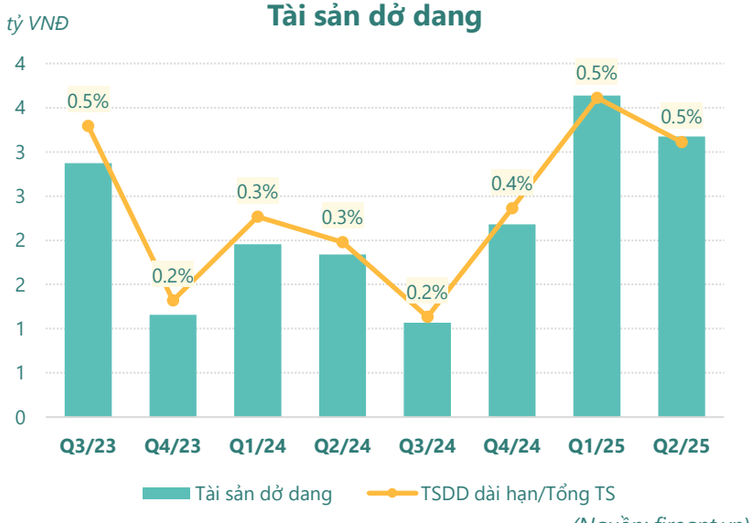

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

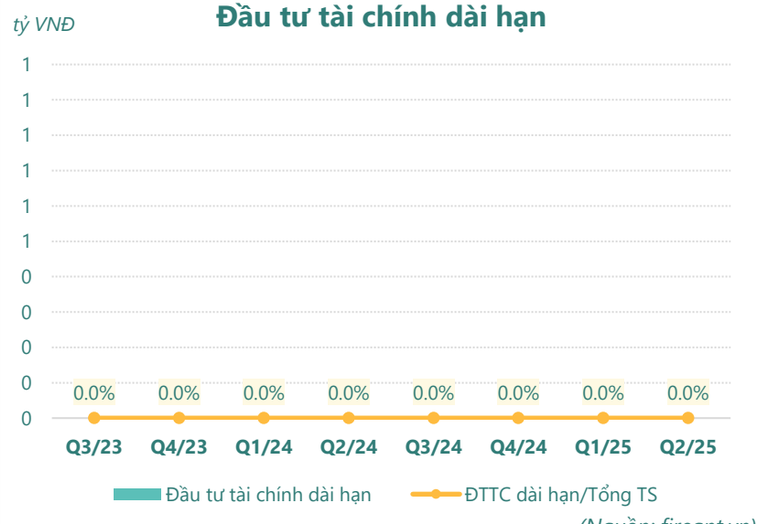

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

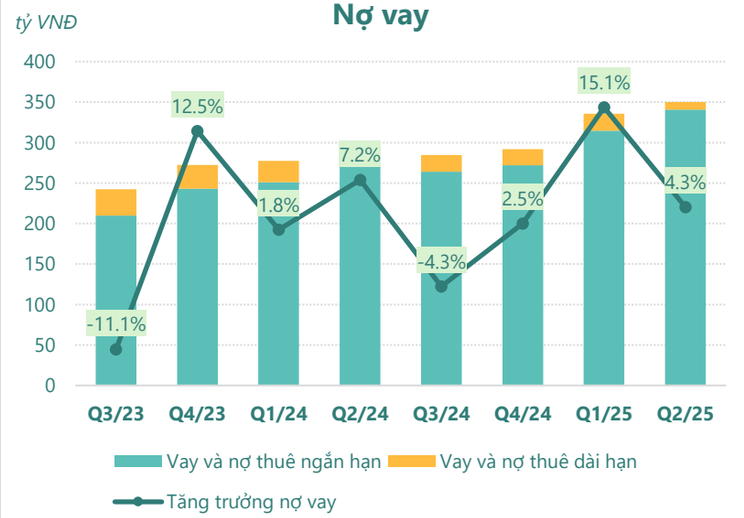

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

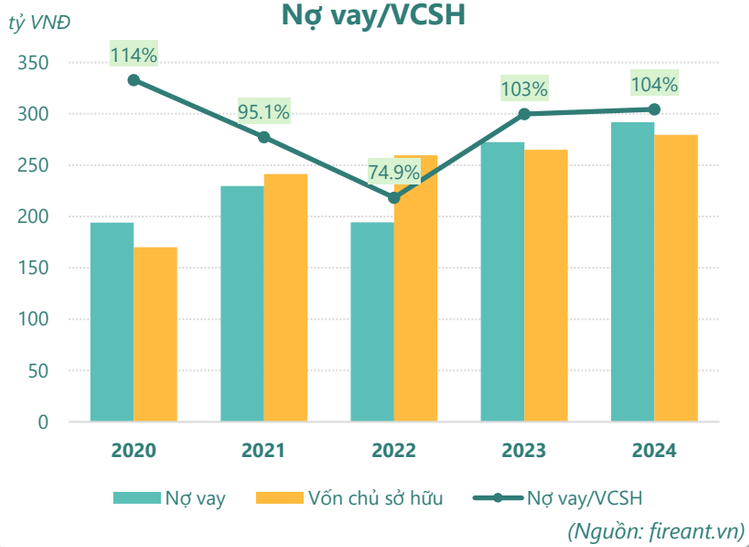

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

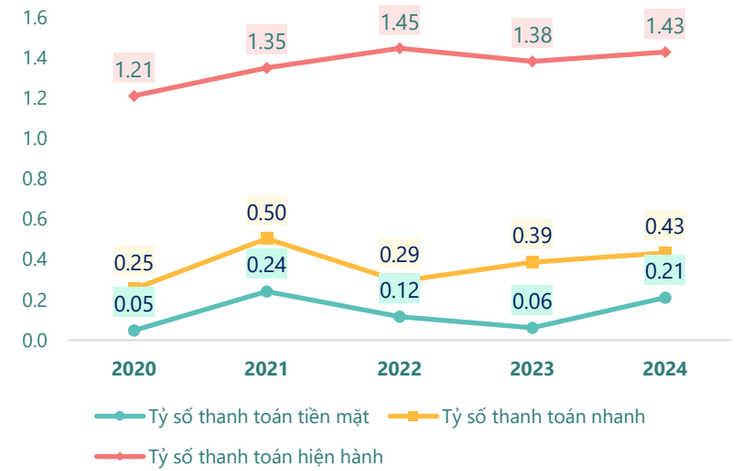

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

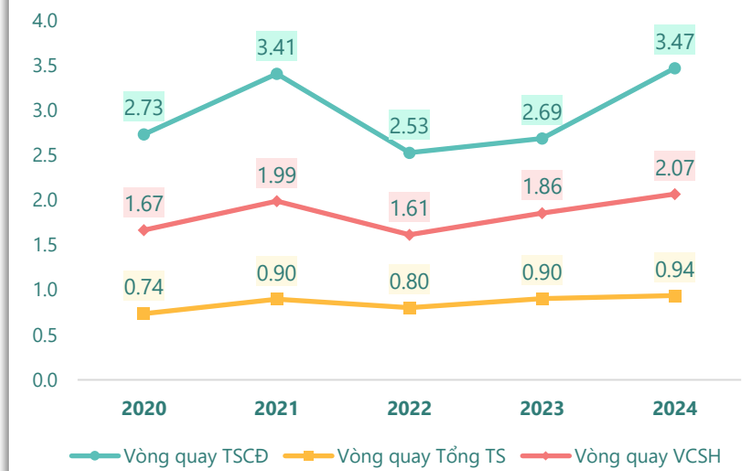

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

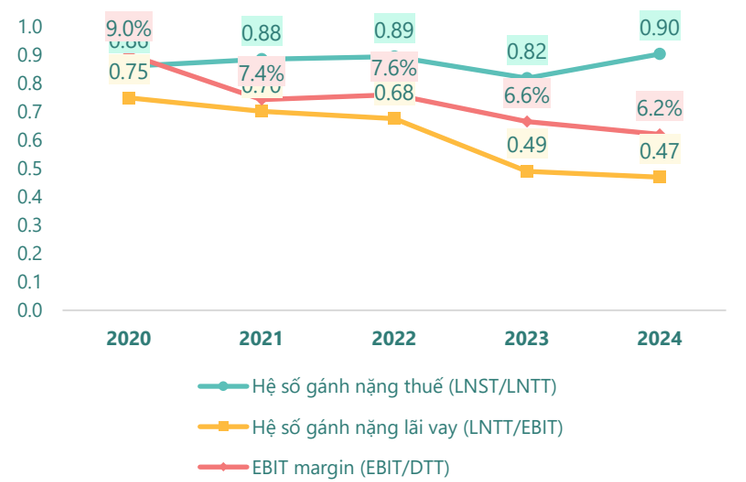

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

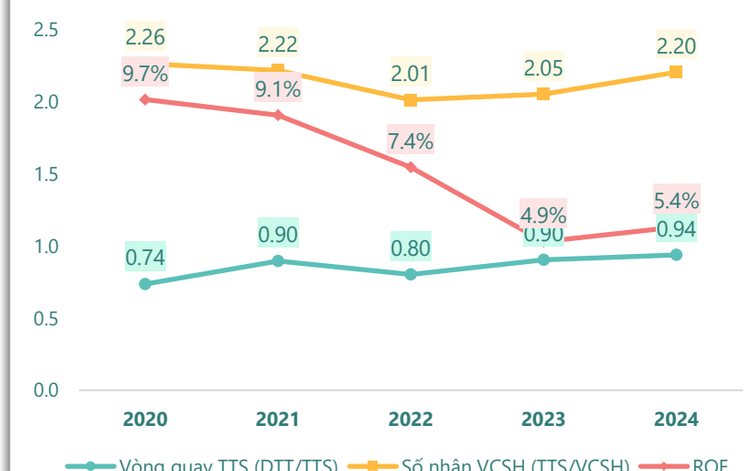

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

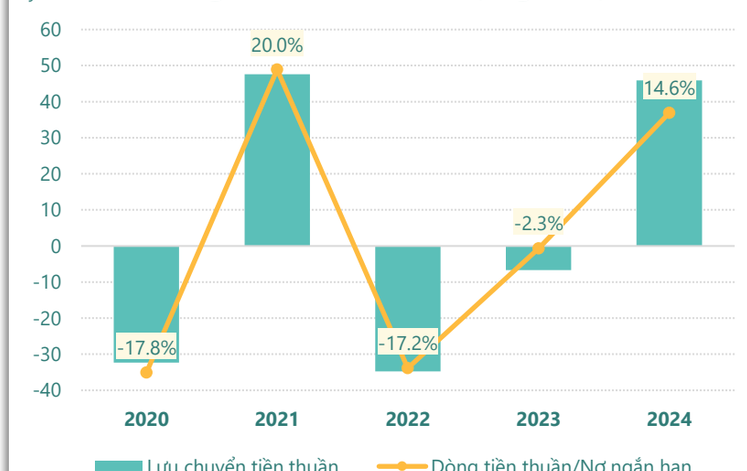

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**187**	**139**	**34.7%**	**286**	**213**	**34.3%**
Giá vốn hàng bán	144	100	44.4%	215	154	39.9%
Lợi nhuận gộp	42.9	38.7	10.7%	70.4	58.9	19.7%
Doanh thu HĐTC	0.61	0.82	-26.1%	2.16	3.20	-32.5%
Chi phí TC	13.4	16.0	-16.4%	18.1	20.6	-12.2%
Chi phí lãi vay	4.93	4.89	0.9%	9.44	9.37	0.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	5.15	3.74	37.7%	7.74	5.54	39.7%
Chi phí QLDN	**22.1**	**18.3**	**20.8%**	**43.3**	**34.3**	**26.2%**
LN thuần từ HĐKD	2.84	1.49	90.4%	3.43	1.58	118%
Lợi nhuận khác	**0.13**	**0.06**	**121%**	**0.23**	**0.20**	**15.5%**
LN trước thuế	2.97	1.55	91.6%	3.66	1.77	106%
Lợi nhuận sau thuế	**2.40**	**1.54**	**55.6%**	**2.85**	**1.71**	**66.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.40**	**1.54**	**55.6%**	**2.85**	**1.71**	**66.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.3	-0.35	41.8	19.3	-21.0	-37.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.10	-1.55	-2.09	-2.12	-1.91	-2.78
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.09	7.10	-14.3	6.06	41.7	0.06
Tiền đầu kỳ	17.7	8.68	15.0	40.4	66.2	86.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.3**	**5.20**	**25.4**	**23.2**	**18.8**	**-39.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.27	1.15	0	2.54	1.30	2.35
Tiền cuối kỳ	8.68	15.0	40.4	66.2	86.3	48.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**680**	**615**	**10.5%**
Tài sản ngắn hạn	514	450	14.4%
Tiền và tương đương tiền	48.7	66.2	-26.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	102	63.7	60.2%
Hàng tồn kho	351	314	11.9%
Tài sản ngắn hạn khác	12.6	6.19	103%
Tài sản dài hạn	**166**	**166**	**0.1%**
Phải thu dài hạn	8.11	7.77	4.4%
Tài sản cố định	152	153	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.17	2.18	45.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.75**	**2.69**	**2.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	398	336	18.6%
Nợ ngắn hạn	**388**	**315**	**23.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	341	271	25.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.6	11.7	136%
Nợ dài hạn	9.46	20.8	-54.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	9.46	20.8	-54.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**282**	**280**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**282**	**280**	**0.9%**
Vốn điều lệ	239	239	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)